

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2022/HSST
Ngày 21 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai
2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 638/2020/HSST, ngày 24 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên : Nguyễn Quang D. Tên gọi khác : Không, Giới tính : Nam.

- Sinh ngày 18/4/1972.

- Nơi cư trú và chỗ ở: Tổ A, phường T, thành phố T. N, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Quang H (đã chết); Con bà: Đỗ Thị N (đã chết); Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ 7; Vợ là: Đào Thị T, sinh năm 1974; Có 01 con, con sinh năm 2011;

- Tiền án: 01. Tại Bản án số 451/HSST/2019 ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” ra trại ngày 25/10/2020. Nộp án phí ngày 11/02/2020

- Tiền sự: Không

- Nhân thân: + Tại bản án số 209/HSPT/1993 ngày 19/7/1994 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản công dân”. Nộp án phí và tiền bồi thường ngày 22/6/1995.

+ Tại Bản án số 17/HSST/1997 ngày 23/5/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân”; 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; 01 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tổng hợp hình phạt buộc D phải chấp hành chung cho cả ba tội là 10 năm tù. Ra trại ngày 10/5/2007, Nộp án phí ngày 16/7/2008. Về phần bồi thường thiệt hại theo bản án đã tuyên đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

+ Tại Quyết định số 10238/QĐ – CT ngày 05/9/2012 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc đưa người nghiện ma túy vào chữa bệnh, lao động, học tập tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội với thời hạn 24 tháng. Ngày 26/9/2014 D đã chấp hành xong.

+ Tại Quyết định số 54a/QĐ – UBND ngày 13/6/2015 của UBND phường Túc Duyên về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường với thời hạn 03 tháng. Ngày 13/9/2015 D đã chấp hành xong.

+ Tại quyết định số 17/2015/QĐ – TA ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Ngày 30/10/2017 D đã chấp hành xong

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/10/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1944; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Tổ A, phường T, thành phố T. N, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng: 1. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố T. N, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Nguyễn Quang D bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 02/10/2021, Nguyễn Quang D một mình đi bộ từ nhà đến cửa hàng tạp hóa của ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1944, trú tại: Tổ A, phường T, thành phố T. N) cách nhà D khoảng 100 mét để mua thuốc lá. Khi D đi vào cửa hàng thì thấy không có ai trông coi, quản lý tài sản nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền bán hàng của nhà ông Q. D liền đi ra phía sau quầy bán hàng thấy 01 ngăn kéo tủ đựng tiền tại tầng thứ 2 của tủ kính 4 tầng dùng để bày hàng của nhà ông Q không khóa, D dùng tay phải cầm tay nắm kéo ngăn tủ ra và dùng tay phải cầm tập tiền trong ngăn tủ lấy ra đưa sang tay trái. Sau đó, D đút số tiền trên vào túi quần lưng đang mặc rồi đi về, trên đường đi D kiểm tra thấy tổng số tiền mà D trộm cắp được của ông Q là 72.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt nam, gồm 1 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 10 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 12 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng số tiền này D đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngay sau đó ông Q phát hiện mất tiền tại ngăn tủ trong cửa hàng nên đã kiểm tra camera an ninh của cửa hàng và xác định được Nguyễn Quang D là người đã trộm cắp tiền của mình nên đã trình báo sự việc trên với Công an phường T để giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị can phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người bị hại và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Vật chứng của vụ án là 72.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt nam, gồm 1 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 10 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 12 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng số tiền này D đã tiêu xài cá nhân hết nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 05/CT- VKSTPTN, ngày 24/12/ 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Quang D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả. Bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội

Tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Quang D từ 15 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền do bị cáo phạm tội mà có là 72.000đ (bảy mươi hai nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa.

Bị cáo nói lời sau cùng xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Quang D tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản làm việc, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của bị hại và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 07 giờ ngày 02/10/2021, tại Tổ A, phường T, thành phố Thái Nguyên, Nguyễn Quang D là đối tượng đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích đã trộm cắp số tiền 72.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam của ông Nguyễn Văn Q. Số tiền nay D đã tiêu xài cá nhân hết.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Quang D đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”**, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

b. Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại Điều 168, 169, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...”

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quang D thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương, gây hoang mang trong dư luận địa phương. Lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện trở thành người tốt mà lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết “Tái phạm” đã xác định là tình tiết định tội nên không tính là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, cũng như nhân thân của bị cáo thì thấy rằng cần có mức án nghiêm khắc để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính chất ngăn ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản Điều 51 BLHS nên Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị khi luận tội đối với bị cáo Nguyễn Quang D là có phần nghiêm khắc so với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản gì để đảm bảo thi hành án, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng của vụ án là: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với vật chứng là số tiền 72.000 (Bảy mươi hai nghìn) đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, gồm 1 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng; 10 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 12 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng số tiền này D đã tiêu xài cá nhân hết, bị hại không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại nên xác định đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 72.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quang D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang D 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/10 /2021.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật TTHS năm 2015 tiếp tục tạm giam bị cáo thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS.

- Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 72.000 (Bảy mươi hai nghìn) đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

3. Về dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do bị hại không có yêu cầu đề nghị gì.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Quang D phải nộp 200.000 đồng án phí vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN ;
- VKS nhân dân TPTN;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
- Chi cục THA dân sự TPTN;
- Tòa án Tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hà